

Bản án số: 1213/2019/DS-PT

Ngày: 26/12/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Phan Văn Kiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
598/2018/DSPT ngày 27 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 451/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa
án nhân dân quận X – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5813/2019/QĐ-PT ngày
25 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1962; Địa chỉ: số 278 LS,
phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (*Có mặt tại phiên tòa*).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tô Việt Y, sinh năm 1982;
Địa chỉ: số 173 NHT, phường TT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy
ủy quyền ngày 04/10/2018 tại Văn phòng Công chứng A Thành phố Hồ Chí
Minh). (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1977; Địa chỉ tạm trú: 235A GX, khu phố 8, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K: Ông Trần Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ: số 86 NT, phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 34765 tại Văn phòng Công chứng A2, Thành phố Hồ Chí Minh). (*Có đơn ngày 16/12/2019 xin vắng mặt tại phiên tòa*).

2.2. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C (1954-2016):*

2.2.1 Ông Nguyễn Văn C1 - sinh 1972; Địa chỉ: số 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn C1: Ông Nguyễn Xuân H - Luật sư Văn phòng Luật sư HTP thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (*Có mặt tại phiên tòa*).

2.2.2 Bà Nguyễn Thị D - sinh 1974; Địa chỉ: 51 đường ĐG, phường TK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.3 Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1977 (*vắng mặt*);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1972; Địa chỉ: 18 DDC, phường SK, quận X. (*Có mặt*)

3.2 Bà Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 1994; Địa chỉ: 18 DDC, phường SK, quận X. (*Vắng mặt*)

3.3 Ông Nguyễn Anh T1 - sinh năm 1988; Địa chỉ: 18 DDC, phường SK, quận X. (*Có mặt*)

4. *Người làm chứng :*

4.1 Ông Nguyễn Việt D - sinh năm 1971; Địa chỉ: 16 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

4.2 Ông Trần Xuân T2 - sinh năm 1959; Địa chỉ: 25 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*)

Người kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Tô Việt Y.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/06/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K vay tiền, cụ thể:

- Hợp đồng vay tiền ngày 24/09/2014 tại Phòng Công chứng X, nội dung: vay số tiền 254.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 1,2%/tháng, trả lãi vào ngày 01 dương lịch hàng tháng

- Hợp đồng vay tiền ngày 18/06/2015 tại phòng Công chứng X với nội dung: vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất là 1%/tháng, trả lãi vào ngày 01 dương lịch hàng tháng.

Nguyên đơn đã giao đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn C, thể hiện:

- Bà Nguyễn Thị K ký xác nhận đã nhận tiền ở giấy vay tiền ngày 26/11/2014

- Ông Nguyễn Văn C cùng bà Nguyễn Thị K ký tên vào giấy cam kết ngày 18/06/2015. Bản chính các giấy vay tiền và cam kết do nguyên đơn đang giữ.

- Để làm tin cho việc vay tiền, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K giao cho bà bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1197/2003 do UBND quận TB cấp ngày 25/11/2003 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T tại địa chỉ 12 DDC, Phường 16, quận TB (nay là 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đây gọi tắt là số 18 DDC), cùng Tờ khai nộp tiền sử dụng đất và Tờ khai lệ phí trước bạ.

Đến nay, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K không thanh toán tiền lãi, tiền vốn. Do ông Nguyễn Văn C chết năm 2016 có để lại tài sản là nhà đất đã thế chấp giấy tờ nhà cho nguyên đơn nên bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn và tiền lãi theo lãi suất 1 %/tháng cho bà theo 02 hợp đồng trên, cụ thể là :

+ Hợp đồng ngày 24/09/2014: vay là 254.000.000 đồng, lãi 1%/tháng từ ngày 24/09/2014 đến ngày 16/10/2018 là 49 tháng x 254.000.000 đồng x 1% = 123.100.000 đồng.

+ Hợp đồng ngày 18/06/2015 vay là 500.000.000 đồng, lãi 1%/tháng từ ngày 18/06/2015 đến ngày 16/10/2018 là 40 tháng x 500.000.000 đồng x 1% = 200.000.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 754.000.000 đồng + 323.100.000 đồng = 1.077.100.000 đồng.

Bà yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C gồm ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả số tiền cho hai hợp đồng vay trên là 1.077.100.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Khi người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C thanh toán xong cho bà số tiền trên thì bà sẽ trả lại các bản chính giấy tờ nhà đất số 18 DDC mà bà đang giữ.

Về phía Bị đơn - Bà Nguyễn Thị K trình bày tại các bản tự khai 05/08/2016, biên bản hòa giải ngày 19/08/2016, 06/06/2017 :

Bà và cha là ông Nguyễn Văn C có ký 02 hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng X vào ngày 24/09/2014 với số tiền vay là 254.000.000 đồng và ngày 18/06/2015 vay số tiền 500.000.000 đồng, tổng cộng là 754.000.000 đồng như nguyên đơn đã trình bày. Để làm tin cho việc vay tiền, cha con bà có đưa cho nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1197/2003 do UBND quận TB cấp ngày 25/11/2003 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T tại địa chỉ 12 DDC, Phường 16, quận TB nay mang số 18 DDC.

Tuy bà ký hợp đồng vay tổng số tiền là 754.000.000 đồng nhưng thực nhận chỉ có 600.000.000 đồng.

Từ khi vay đến nay, bà và cha của bà chưa trả tiền vốn cho nguyên đơn, nhưng có trả lãi hàng tháng, nộp vào tài khoản của nguyên đơn ở ngân hàng ACB Gò Xoài mỗi tháng là 20.000.000 đồng, đóng lãi đến ngày 15/05/2016 thì ngưng cho đến nay. Tuy nhiên, do bà mất hết giấy tờ nên không thể cung cấp được chứng cứ cho Tòa án.

Số tiền vay của nguyên đơn do bà với ông Nguyễn Văn C cùng vay để cho vay lại lấy tiền lời để ông Nguyễn Văn C sinh sống. Nay cha bà đã mất nên bà yêu cầu những người đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn C cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C - ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn C (chết năm 2016) và bà Lại Thị T (chết năm 2008) có 04 người con chung là Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị K và Nguyễn Minh C1 (mất năm 2001, không có vợ con).

Ông C và bà T có tài sản chung là nhà đất nay mang số 18 DDC và đã cấp Giấy chứng nhận.

Ông Nguyễn Văn C chết có để lại di chúc lập ngày 06/01/2015 tại Văn phòng Công chứng A2 để lại di sản cho bà Nguyễn Thị K và sau đó ngày 20/05/2016 ông C có lập lại di chúc mới có 02 người làm chứng là ông Nguyễn Viết D và ông Trần Xuân T2 với nội dung là để lại toàn bộ tài sản trên cho ba người con.

Ông Nguyễn Văn C1 không đồng ý nội dung di chúc của ông Nguyễn Văn C lập ngày 06/01/2015 tại Văn phòng Công chứng A2 vì di chúc ngày 20/05/2016 là di chúc sau cùng đã thay thế toàn bộ nội dung của di chúc trước đó.

Ông đồng ý với kết quả thẩm định giá trị giá nhà đất trên là 2.482.000.000đồng theo chứng thư thẩm định giá ngày 07/03/2018 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TP1, không đồng ý thẩm định giá lại theo yêu cầu của

nguyên đơn vì cho rằng nguyên đơn không có quyền yêu cầu định giá tài sản tranh chấp thừa kế.

Hiện nay, căn nhà số 18 DDC có gia đình ông gồm: bản thân ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị L, các con ông là Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Anh T1 đang cùng cư ngụ .

Ngày 23/06/2017 ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu độc lập:

1. Yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 06/01/2015 lập tại Văn phòng Công chứng A2 là vô hiệu do vi phạm pháp luật.

2. Yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 20/05/2016 có 02 người làm chứng là có hiệu lực pháp luật

3. Yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T là căn nhà 18 DDC thành 03 phần cho ông và bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K mỗi người 01 phần. Do gia đình ông Nguyễn Văn C1 từ trước đến nay ở trong căn nhà trên nên ông Nguyễn Văn C1 yêu cầu được trọn quyền sở hữu căn nhà trên và thanh toán lại phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K.

Đối với số tiền ông Nguyễn Văn C1 bỏ ra sửa chữa căn nhà trên là khoảng 300.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn C1 không tranh chấp và không yêu cầu xem xét về việc sửa chữa căn nhà trên.

Đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D đề nghị lấy phần bà Nguyễn Thị K được chia thừa kế để trả số tiền nợ cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà đồng ý với các ý kiến của ông Nguyễn Văn C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Anh T1 trình bày: Các ông bà là vợ, con của ông Nguyễn Văn C1, hiện nay đang ở trong căn nhà số 18 DDC. Căn nhà này do ông Nguyễn Văn C1 và bà Lại Thị T (ba mẹ ông C1) là chủ sở hữu, ông Nguyễn Văn C là người đang ở và quản lý căn nhà trên. Hiện nay, căn nhà trên đang tranh chấp, các ông bà đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C1.

Người làm chứng gồm ông Nguyễn Viết D và ông Trần Xuân T2 trình bày: Hai ông là hàng xóm lâu năm của ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T. Ông Nguyễn Văn C có nhờ hai ông sang làm chứng về việc lập di chúc để lại căn nhà số 18 DDC chia đều cho 03 người con của ông Nguyễn Văn C. Khi lập di chúc ông Nguyễn Văn C vẫn tỉnh táo, minh mẫn, sáng suốt, chữ ký, chữ viết và dấu vân tay là của ông Nguyễn Văn C. Các ông yêu cầu xin vắng mặt tại Tòa án.

Tòa án nhân dân quận X đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 451/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 như sau:

*“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H
Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C1.*

* Xác định nhà đất tại địa chỉ 12 DDC, Phường 16, quận TB nay là 18 DDC, phường SK, quận X theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1197/2003 do UBND Quận TB cấp ngày 25/11/2003 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T.

- Những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T là ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị D.

* Buộc những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.074.909.334 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ chín ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng) để chấm dứt hợp đồng vay ngày 24/09/2014 và hợp đồng vay tiền ngày 18/06/2015 tại Văn phòng Công chứng X giữa các bên .

Sau khi bà D, bà K, ông C1 trả hết số nợ trên cho bà H thì bà H có trách nhiệm hoàn trả cho ông C1, bà D, bà K các bản chính giấy tờ sau: một giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở , hồ sơ gốc số 1197/2003 do UBND Quận TB cấp ngày 25/11/2003 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T, một tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 19/01/2004, một tờ khai lệ phí trước bạ ngày 03/02/2004.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trên thì lãi suất phát sinh được xác định theo Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự do ông C1, bà D, bà K phải chịu.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2016/QĐ-BPKCTT ngày 17/6/2016 của Tòa án nhân dân quận X cho đến khi ông C1, bà D, bà K thi hành xong thì biện pháp khẩn cấp tạm thời trên được hủy.

- Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 13/2016/QĐ-DSST ngày 17/6/2016 được hủy khi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2016/QĐ-BPKCTT ngày 17/6/2016 được hủy.

* Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông C1 và bà D: tuyên bố di chúc lập ngày 20/6/2016 của ông Nguyễn Văn C có hiệu lực pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K mỗi người nhận được từ thừa kế của ông C và bà T là 469.030.222 đồng (gồm 1/8 trị giá nhà đất số 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh từ di sản của bà Lại Thị T và 1/3 di sản của ông C để lại sau khi khấu trừ phần tiền nợ gốc và lãi cho bà H theo hai hợp đồng vay tiền trên).

- Ông Nguyễn Văn C được quyền ưu tiên mua lại căn nhà số 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trả hết số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị H và thanh toán phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K theo tỷ phần như trên tương đương số tiền là 469.030.222 đồng.

Sau khi ông C1 thực hiện xong nghĩa vụ trên cho bà H và nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế mà ông C, bà T để lại cho bà D, bà K thì ông C1 được trọn quyền sở hữu căn nhà trên và được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên chủ sở hữu đối với nhà đất tại số 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

- Quá thời hạn trên mà ông C1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên cho bà H hoặc không thanh toán phần thừa kế cho bà D, bà K thì bà H, bà D, bà K được quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi nhà và đất số 18 DDC, phường SK, quận X để thi hành án. Sau khi trừ đi toàn bộ chi phí phát mãi và các khoản thuế theo quy định phần giá trị còn lại của nhà đất trên của ông C và bà T được chia theo kỷ phần như trên.

- Ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện bà Nguyễn Thị K đòi phân tiền mà ông Nguyễn Văn C đã trả thay cho bà K tại một vụ án khác.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án sơ thẩm áp dụng pháp luật không phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án.

Ngày 15/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định số 62/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng đối với hợp đồng vay tài sản, về lãi suất cho vay và nội dung của hợp đồng vay tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo – do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Tô Việt Y trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm như sau:

- Yêu cầu tính tiền lãi thêm từ thời điểm xét xử sơ thẩm đến nay theo lãi suất 1%/tháng.

- Bản án sơ thẩm từ chối việc định giá lại tài sản là không đúng quy định pháp luật đã viện dẫn, đồng thời việc cấp sơ thẩm từ chối định giá là không khách quan khi nguyên đơn chứng minh chứng thư thẩm định giá do phía ông Nguyễn Văn C1 đưa ra là thấp và không phù hợp với thực tế cũng như quy định pháp luật. Nguyên đơn đã kháng cáo và yêu cầu định giá lại tài sản để làm cơ sở cho việc thanh toán các khoản nợ của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K đối với nguyên đơn nhưng ông Nguyễn Văn C1 đã cản trở việc định giá lại. Nay nguyên đơn rút lại yêu cầu định giá lại tài sản nhưng thay đổi nội dung kháng cáo như sau: yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về việc giải quyết chia thừa kế trên cơ sở chia theo kỷ phần, không đồng ý việc chia di sản theo giá tiền dựa trên chứng thư thẩm định giá của ông Nguyễn Văn C1 đưa ra vì ảnh hưởng đến tài sản thi hành án.

Ông Nguyễn Văn C1 trình bày: Bà Nguyễn Thị K khi lấy chồng năm 1999 đã ra ở riêng, không còn ở nhà số 18 DDC. Cả bà Nguyễn Thị D cũng vậy. Chữ viết của bà Nguyễn Thị K ông chỉ nhớ lúc còn nhỏ, khi lớn chữ viết thay đổi nên ông không biết. Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là chuyện của các anh em ông, bà Nguyễn Thị H không có quyền tham gia. Ông yêu cầu công nhận di chúc ngày 20/06/2016 là di chúc có hiệu lực pháp luật vì đây là di chúc sau cùng của ông Nguyễn Văn C, di chúc 06/01/2015 không còn hiệu lực do đã bị thay thế bởi di chúc lập sau cùng. Về việc trả tiền cho nguyên đơn, ông đồng ý theo bản án sơ thẩm. Ông có nguyện vọng được giữ lại căn nhà cha mẹ để lại và sẽ thối lại (hoàn) tiền cho các đồng thừa kế khác ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn C1 phát biểu quan điểm tranh luận:

Ông Nguyễn Văn C1 không kháng cáo nghĩa là chấp nhận toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm. Nguyên đơn đòi chia di sản thừa kế theo kỹ phần nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào. Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng đối với giấy vay nợ, án sơ thẩm chưa xem xét kỹ về trách nhiệm trả nợ của ai, vì bà K nhận trách nhiệm trả nợ thay ông C nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về yêu cầu định giá lại thì số tiền bà K hưởng từ việc phân chia di sản thừa kế đã vượt quá số tiền yêu cầu trả nợ của nguyên đơn nên yêu cầu định giá lại của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa gồm bà Nguyễn Thị D và vợ con của ông Nguyễn Văn C1 có cùng ý kiến với ông Nguyễn Văn C1.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị K có người đại diện hợp pháp xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau: Bà Nguyễn Thị K không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ số 18 DDC mà đăng ký tạm trú tại số 235A GX, khu phố 8, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng Tòa án lại tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tổng đạt cho bà K tại địa chỉ số 18 DDC là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà K, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày quan điểm của Viện Kiểm sát:

- Giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Nhận thấy nội dung kháng nghị là có căn cứ, kháng cáo của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản và yêu cầu về định

giá lại tài sản là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho các đương sự đến lần thứ hai nhưng một số đương sự không có quyền, lợi ích bị ảnh hưởng bởi nội dung kháng cáo, kháng nghị vắng mặt, căn cứ Khoản 2, 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có lời khai làm chứng lưu tại hồ sơ, xét thấy việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến nội dung kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Bị đơn Nguyễn Thị K không có đơn yêu cầu kháng cáo theo quy định nhưng người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K trình bày ý kiến về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ số 18 DDC là không đúng nơi cư trú của bà Nguyễn Thị K. Xét thấy:

Tại BL số 131-133, bà Nguyễn Thị K đã tự trình bày lời khai và đã ghi địa chỉ của bà tại số 18 DDC, riêng tại BL số 131 bà Nguyễn Thị K có ghi "*Hiện nay tôi chưa có chỗ ở cố định nên Tòa án có gửi thư về địa chỉ 18 DDC cho tôi hoặc gọi điện thoại cho tôi là ...*". Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt, niêm yết cho bà Nguyễn Thị K ở địa chỉ số 18 DDC, bà Nguyễn Thị K vẫn nhận được các văn bản tố tụng và đã có yêu cầu tiếp tục gửi giấy triệu tập, thông báo ... về địa chỉ trên. Vậy lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K là không có cơ sở chấp nhận.

[3.1] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.1.1] Kháng nghị về bản án sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để điều chỉnh Hợp đồng vay tiền được ký kết ngày 24/09/2014 và ngày 18/06/2015 là không phù hợp, cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 cho giao dịch xảy ra trước thời điểm 01/01/2017 là thời gian mà các quy định về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực. Tuy

nhiên, căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định đối với “*Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này*”. Đối với các giao dịch dân sự trên, tuy ký kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực nhưng các giao dịch dân sự này có hình thức và nội dung phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015, các giao dịch dân sự này chưa thực hiện xong do bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền nhưng bên vay tiền chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để điều chỉnh quan hệ tranh chấp trên theo quy định của điều khoản chuyển tiếp Điều 688 vừa nêu là có căn cứ.

Nhưng sau đó, do có hướng dẫn tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019 quy định: đối với những hợp đồng vay tiền ký kết trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2006 đến trước ngày 01/01/2017, đang được các bên thực hiện mà nội dung hợp đồng có thỏa thuận về lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 vẫn phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và văn bản hướng dẫn để xác định lãi, lãi suất.

Vậy, với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP đã dẫn chiếu điều luật áp dụng các hợp đồng vay tiền, tài sản được ký kết trước ngày 01/01/2017 nhưng có hình thức, nội dung phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vẫn áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để điều chỉnh. Do vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận. Cấp xét xử sơ thẩm không có lỗi do Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP được ban hành và có hiệu lực sau khi bản án sơ thẩm được tuyên xử.

[3.1.2] Về kháng nghị yêu cầu xác định số tiền bà Nguyễn Thị H đã thực tế giao cho bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn C vay là bao nhiêu. Xét thấy:

Hợp đồng vay tiền ngày 24/09/2014 ghi số tiền cho vay là 254.000.000đồng và hợp đồng vay tiền ngày 18/06/2015 ghi số tiền cho vay là 500.000.000đồng nhưng nội dung hai hợp đồng khẳng định việc giao nhận tiền ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Bà Nguyễn Thị K trình bày chỉ nhận 600.000.000đồng cho cả hai lần giao dịch trên. Hai bên không lập giấy biên nhận giao nhận tiền. Tuy nhiên đến ngày 18/06/2015, bà Nguyễn Thị K có vay thêm của bà Nguyễn Thị H số tiền là 63.500.000đ. Tại giấy vay nợ 63.500.000đ ngày 18/06/2015 này, trên dòng chữ in “Tôi có vay của:”, bà Nguyễn Thị K đã viết tay thêm dòng chữ “Số tiền vay thêm sau khi ký hợp đồng vay nợ tại Phòng CC ngày 24/09/14” phần ghi số tiền vay bằng chữ “sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng” và dòng chữ viết “vậy tổng số tiền nợ đến ngày hôm nay là 317.500.000đ”, tiếp liền đó là dòng chữ ghi tay “vậy tổng số tiền nợ đến ngày hôm nay là 317.500.000đ”, ngay dưới dấu lấn tay của bà Nguyễn Thị K có ghi “số tiền vay thêm tôi hứa mỗi tháng sẽ hoàn vốn 5.000.000đ cho đến hết”, tất cả các chữ viết tay trên được bà Nguyễn Thị H khẳng định là chữ viết của bà Nguyễn Thị K.

Phía ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D trình bày tại phiên tòa ngày 18/12/2019 cho rằng chỉ nhớ chữ viết của bà Nguyễn Thị K khi còn nhỏ, với chữ viết khi bà Nguyễn Thị K đã trưởng thành thì ông và bà không biết rõ nên thể không khẳng định hay phủ định chữ viết của bà Nguyễn Thị K.

Hội đồng xét xử xét thấy với dòng chữ viết thêm ngay dấu lằn tay của bà Nguyễn Thị K “*số tiền vay thêm tôi hứa mỗi tháng sẽ hoàn vốn 5.000.000đ cho đến hết*” đã khẳng định số tiền 63.500.000đồng tại giấy vay nợ này là *vay thêm*. Dòng chữ viết tay này có cùng lối chữ viết với dòng chữ “*Số tiền vay thêm sau khi ký hợp đồng vay nợ tại Phòng CC ngày 24/09/14*” và “*vậy tổng số tiền nợ đến ngày hôm nay là 317.500.000đ*”. Như vậy, từ nội dung các dòng chữ viết tay ghi thêm này có thể xác định như sau: lấy tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 18/06/2015 là 317.500.000đồng trừ (–) cho số tiền vay thêm ngày 18/06/2015 là 63.500.000đ sẽ được số tiền vay trước đó là 254.000.000đồng, bằng đúng số tiền đã ghi nhận tại hợp đồng vay ngày 24/09/2014.

Về phía bà Nguyễn Thị K đã nhận bản án sơ thẩm và ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng nhưng không kháng cáo và không trình bày ý kiến phản đối về nội dung giải quyết đối với các hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị H.

Vậy nội dung giấy vay nợ ngày 26/11/2014 đã thể hiện số tiền vay đến ngày 26/11/2014 là 317.500.000đ = số tiền 254.000.000đồng đã vay trước + 63.500.000đồng vay thêm vào ngày 26/11/2014. (Riêng khoản vay 63.500.000đồng bà Nguyễn Thị H đã khởi kiện tranh chấp với bà Nguyễn Thị K trong vụ kiện khác, giấy vay nợ ngày 26/11/2014 chỉ có ý nghĩa chứng cứ chứng minh cho khoản tiền đã nhận trước đó là 254.000.000đồng).

Một chứng cứ khác chứng minh bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn C đã nhận đủ số tiền vay ngày 24/09/2014 là việc bà Nguyễn Thị H đã nhận bộ giấy chủ quyền nhà đất số 18 DDC mà ông Nguyễn Văn C đã thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này.

Theo giấy cam kết ngày 18/06/2015, bà Nguyễn Thị K thể hiện trách nhiệm trả thay ông Nguyễn Văn C số tiền 500.000.000 đồng vay của bà Nguyễn Thị H ngày 18/06/2015 tại Phòng Công chứng.

Từ các chứng từ trên thể hiện bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn C đã nhận từ hai khoản vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 754.000.000đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền bà Nguyễn Thị H đã giao cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K vay là có căn cứ.

[3.1.3] Về việc kháng nghị tính lại lãi suất cho vay theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, xét thấy kháng nghị là có căn cứ như phần [3.1.1] đã nhận định, do đó cần thiết phải điều chỉnh lại các Điều luật áp dụng tại bản án là các Điều 471, Khoản 1 Điều 474, Khoản 5 Điều 474, Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, phần tiền lãi được tính lại như sau:

Hợp đồng vay 254.000.000 đồng có thời hạn 24 tháng từ ngày 24/09/2014 đến hết ngày 23/09/2016, lãi suất trong hạn 1,2%/tháng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng và được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận; Vậy, tiền lãi trong hạn là 60.960.000đồng theo lãi suất 1%/tháng, tiền lãi quá hạn theo lãi suất cơ bản 0,75%/tháng tại thời điểm từ 24/09/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/10/2018 là 47.117.000đồng. Tổng lãi vay tính đến ngày 16/10/2018 là: 108.071.000đồng.

Hợp đồng vay 500.000.000đ có thời hạn 06 tháng từ ngày 18/06/2015 đến hết ngày 17/12/2015, lãi suất trong hạn 1%/tháng, tiền lãi trong hạn là 30.000.000đồng, tiền lãi quá hạn theo lãi suất cơ bản 0,75%/tháng tại thời điểm từ 18/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/10/2018 là 127.250.000đồng. Tổng lãi vay tính đến ngày 16/10/2018 là: 157.250.000đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi phải trả tính đến ngày 16/10/2018 là: 754.000.000đồng + 265.321.000đồng = 1.019.321.000đồng.

[3.2] Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

- Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án và có đơn yêu cầu định giá lại tài sản do liên quan đến quyền, lợi ích của nguyên đơn, tuy nhiên sau đó nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu trên thành yêu cầu xét xử phân chia di sản thừa kế theo kỹ phân để đảm bảo phần di sản thừa kế bà Nguyễn Thị K được nhận làm căn cứ thi hành án cho các nghĩa vụ dân sự của bà Nguyễn Thị K.

Xét thấy, bản án sơ thẩm có phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T cho những người đồng thừa kế theo phần, tuy nhiên tại phần quyết định của bản án lại đã tuyên không rõ ràng về việc phân chia di sản thừa kế theo phần và việc tạm tính trên giá trị di sản theo chứng thư thẩm định giá ngày 07/03/2018 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TP1, gây nhầm lẫn và có thể làm thiệt hại quyền lợi của các bên đương sự được thi hành án, do đó cần điều chỉnh lại đối với việc chia di sản thừa kế theo phần. Do cần điều chỉnh lại phần quyết định của bản án sơ thẩm cho phù hợp nội dung đã nhận định tại bản án sơ thẩm, căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận sửa án như đề nghị kháng cáo của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị K được nhận thừa kế theo pháp luật mỗi người 1/4 di sản của bà Lại Thị T, tương ứng là 1/8 giá trị nhà đất số 18 DDC.

Phần di sản của ông Nguyễn Văn C để lại gồm: $1/8 + 4/8 = 5/8$ giá trị nhà đất số 18 DDC trừ (-) số tiền phải trả cho các hợp đồng vay của nguyên đơn nói trên, còn lại sẽ được chia 3 (ba) phần theo di chúc cho ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị K mỗi người một phần.

Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị K mỗi người được nhận: di sản của bà Lại Thị T là 1/8 giá trị nhà và đất số 18 DDC cộng (+) 1/3(giá trị di sản của ông Nguyễn Văn C là 5/8 giá trị nhà đất số 18 DDC trừ (-) số tiền phải trả cho các hợp đồng vay của nguyên đơn), tương ứng là mỗi người

nhận được 1/3 giá trị nhà và đất số 18 DDC sau khi trừ số tiền phải trả cho các hợp đồng vay của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn C1 có nguyện vọng được nhận thừa kế là nhà đất số 18 Đô Đốc Chấn và thanh toán lại phần thừa kế mà bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị K được hưởng bằng tiền và được Cấp xét xử sơ thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn C1 vẫn giữ yêu cầu trên và yêu cầu thực hiện thi hành án ngay bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Bản án sơ thẩm đã căn trừ toàn bộ nghĩa vụ thanh toán hai hợp đồng vay tiền của nguyên đơn vào di sản của ông Nguyễn Văn C mà không xét đến đề nghị của bị đơn là chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay ông Nguyễn Văn C là thiếu sót, tuy nhiên bà Nguyễn Thị K không kháng cáo, ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết lại người chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Thị H như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn C1 đề nghị.

Về kháng cáo yêu cầu tính lãi phát sinh cho khoản nợ vay từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm, xét thấy: Do thời gian xem xét giải quyết bản án theo trình tự phúc thẩm kéo dài vì nhiều lý do, để tránh thiệt hại cho nguyên đơn đối với khoản tiền vay chưa thanh toán bị kéo dài, yêu cầu tính thêm phần tiền lãi trên là có cơ sở. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP thì cần áp dụng Nghị quyết này để giải quyết với những vụ án đã thụ lý trước ngày 15/03/2019 (ngày Nghị quyết có hiệu lực) nhưng sau ngày 15/03/2019 mới đưa ra xét xử phúc thẩm. Do vậy, cần áp dụng quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP để giải quyết đối với trường hợp này.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*” Trong đó “*Mức lãi suất hai bên thỏa thuận*” hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Vậy, trong trường hợp này, do các bên có quy định lãi suất trong hạn là 1%/tháng nhưng không quy định lãi suất quá hạn nên lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong sẽ được tính theo mức lãi suất 150% x 1% = 1,5%/tháng. Tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ giai đoạn sơ

thẩm đến giai đoạn phúc thẩm theo lãi suất 1%/tháng là thấp hơn mức quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đã quy định về tính lãi với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, do vậy không cần thiết tính thêm số tiền lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm để điều chỉnh lại phần tuyên xử về chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP để phù hợp hơn, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi khi bị sửa án.

[3.2] Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính lại như sau:

Giá trị nhà và đất tại số 18 DDC được tạm tính theo chứng thư thẩm định giá của công ty TP1 là 2.482.000.000đồng làm cơ sở tính án phí.

Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí 42.579.630 đồng đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị H là 1.019.321.000đồng, mỗi người chịu 1/3 án phí vừa nêu là 14.193.210 đồng.

Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị K mỗi người phải chịu án phí trên phần thừa kế mỗi người được nhận tạm tính 487.559.667 đồng, án phí mỗi người phải chịu là 23.502.386 đồng.

Tổng cộng hai khoản trên, án phí mỗi người phải chịu là 37.695.596 đồng, làm tròn số là 37.696.000đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 đã nộp tạm ứng án phí là 13.320.000đồng theo Biên lai thu số 0009430 ngày 27/6/2017 và 300.000đồng theo Biên lai thu số 0009431 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, căn trừ các khoản tiền đã nộp, ông Nguyễn Văn C1 phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 24.076.000đồng.

Bà Nguyễn Thị D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 13.340.000đồng theo Biên lai thu số 0009433 ngày 27/06/2017 và 300.000đồng theo Biên lai thu số 0009432 ngày 27/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, căn trừ các khoản tiền đã nộp, bà Nguyễn Thị Diễm phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 24.056.000đồng.

Bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí sơ thẩm là: 37.696.000đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí đối với phần tiền lãi không được chấp nhận là 300.000đồng, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.650.000đồng theo Biên lai thu số 0002872 ngày 14/06/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 19.350.000đồng theo biên lai thu tiền vừa nêu.

Chi phí thẩm định giá do ông Nguyễn Văn C1 tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng, được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 471, Khoản 1 Điều 474, Khoản 5 Điều 474, Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 451/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân quận X – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C1.

* Xác định nhà đất tại địa chỉ số 12 DDC, Phường 16, quận TB nay là số 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc 1197/2003 do Ủy ban nhân dân quận TB cấp ngày 25/11/2003 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T.

- Những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T gồm: ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị D.

* Những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.019.321.000 đồng (một tỷ không trăm mười chín triệu ba trăm hai mươi một ngàn đồng) bao gồm 754.000.000đ (bảy trăm năm mươi bốn triệu đồng) tiền vay gốc và 265.321.000đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm hai mươi một ngàn đồng) tiền lãi tạm tính đến ngày 16/10/2018, để chấm dứt hợp đồng vay ngày 24/09/2014 và hợp đồng vay tiền ngày 18/06/2015 lập tại Văn phòng Công chứng X giữa nguyên đơn và ông

Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K, được trừ vào phần di sản để lại của ông Nguyễn Văn C trong khối di sản chung với bà Lại Thị T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất là 1%/tháng, được trừ vào phần di sản của ông Nguyễn Văn C trước khi phân chia di sản thừa kế.

Sau khi nhận đủ khoản tiền trên, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K các bản chính giấy tờ sau: Một Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc 1197/2003 do Ủy ban nhân dân quận TB cấp ngày 25/11/2003 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lại Thị T; một Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 19/01/2004; một Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 03/02/2004.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 25/2016/QĐ-BPKCTT ngày 17/6/2016 của Tòa án nhân dân quận X cho đến khi các khoản tiền phải thi hành cho nguyên đơn được thi hành xong thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vừa nêu tự động bị hủy bỏ.

Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 13/2016/QĐ-DSST ngày 17/6/2016 cũng được hủy bỏ khi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2016/QĐ-BPKCTT ngày 17/6/2016 bị hủy bỏ. Bà Nguyễn Thị H được nhận lại toàn bộ khoản tiền đã gửi tại tài khoản tiết kiệm số 218264119 phong tỏa của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) Phòng giao dịch Tây Thạnh khi Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 13/2016/QĐ-DSST ngày 17/06/2016 được hủy bỏ.

* Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D:

- Tuyên bố di chúc lập ngày 20/06/2016 của ông Nguyễn Văn C có hiệu lực pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K mỗi người được nhận phần thừa kế là 1/3 giá trị nhà và đất số 18 DDC, phường SK, quận X sau khi trừ số tiền phải trả cho các hợp đồng vay của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Văn C1 được ưu tiên nhận thừa kế là nhà đất số 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và có trách nhiệm hoàn lại bằng tiền giá trị phần thừa kế mà bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị K được hưởng theo giá thực tế tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi của các hợp đồng vay của bà Nguyễn Thị H và đã hoàn lại giá trị các kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn Cảnh được trọn quyền sở hữu nhà đất trên và được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà đất tại số 18 DDC, phường SK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh sang tên ông theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn Cảnh không thanh toán đầy đủ số nợ gốc và lãi trên cho bà Nguyễn Thị H và không thanh toán phần thừa kế mà bà Nguyễn Thị Diễm và bà Nguyễn Thị K được hưởng thì những người này được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện thủ tục phát mãi để thi hành án đối với nhà và đất số 18 DDC, phường SK, quận X theo quy định của Luật Thi hành án dân sự hiện hành.

- Ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện bà Nguyễn Thị K đòi lại phần tiền mà ông Nguyễn Văn C đã trả cho hai hợp đồng vay tiền nêu trên thay phần của bà Nguyễn Thị K khi có yêu cầu.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị D mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 37.696.000đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn C1 đã nộp tạm ứng án phí là 13.320.000đồng (mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0009430 ngày 27/6/2017 và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0009431 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, căn trừ các khoản tiền đã nộp, ông Nguyễn Văn C1 phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 24.076.000đồng (hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 13.340.000đồng (mười ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0009433 ngày 27/06/2017 và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0009432 ngày 27/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, căn trừ các khoản tiền đã nộp, bà Nguyễn Thị D phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 24.056.000đồng (hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí sơ thẩm là: 37.695.596đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.650.000đồng (mười chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0002872 ngày 14/06/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 19.350.000đồng (mười chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền vừa nêu.

Chi phí thẩm định giá do ông Nguyễn Văn C1 tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

của Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H được nhận lại 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0012051 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Nhung Nguyễn Thị Huyền Nguyễn Thị Thanh Hiền